

PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN PHƯƠNG THỨC 1 NĂM 2026

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
3	7810101	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 5.5	
4	7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 5.5	
5	7310301	Xã hội học	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 5.5	
6	7760101	Công tác xã hội	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
7	7310206	Quan hệ quốc tế	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.5	
8	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
9	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 6.0	
10	7340404	Quản trị nhân lực	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
11	7340115	Marketing	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
13	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
15	7340201Q	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
16	7340205	Công nghệ tài chính	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
17	7340301	Kế toán	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
18	7340302	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
19	7380101	Luật	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 6.0	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 6.0	Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT ≥ 8.5 ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
20	7720201	Dược học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học ≥ 7.5	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 20/30$; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT ≥ 8.5 ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học ≥ 7.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Hóa học ≥ 7.5	
21	7420204	Khoa học y sinh	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
22	7420201	Công nghệ sinh học	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
23	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Hóa học ≥ 5.0	
24	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
25	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
26	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
27	7480104	Hệ thống thông tin	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
28	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
29	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
30	7520207T	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 6.0	
31	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
32	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
33	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
34	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
35	7580302	Quản lý xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
36	7580101	Kiến trúc	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
37	7580104	Kiến trúc đô thị	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Toán ≥ 5.0	
39	7580108	Thiết kế nội thất	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
40	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
41	7210404	Thiết kế thời trang	Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
42	7210408	Nghệ thuật số (Chuyên ngành Thiết kế truyền thông số)	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
43	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
44	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
45	7810301T	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)	Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
46	7850201	Bảo hộ lao động	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
47	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
48	7520320	Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)	Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
49	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
50	7460201	Thống kê	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
51	7460108	Khoa học dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
52	F7210403	Thiết kế đồ họa - Chương trình tiên tiến	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 6.0	
53	F7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
54	F7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
55	F7310301	Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn ≥ 5.5	
56	F7340115	Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
57	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
58	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
59	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
60	F7340301	Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 6.0	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
61	F7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	(1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT ≥ 8.5 ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
62	F7380101T	Luật (Định hướng Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn ≥ 6.0	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT ≥ 8.5 ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn ≥ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn ≥ 6.0	
63	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
64	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
65	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
66	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
67	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
68	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
69	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
70	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Hóa học ≥ 5.0	
71	F7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 6.0	
72	N7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 5.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 5.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT ≥ 5.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 5.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM ≥ 5.0	
73	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
73	N7220201	học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 Tiếng Anh ≥ 5.5 Tiếng Anh ≥ 5.5	hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
74	N7340115	Marketing - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
75	N7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0 Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
76	N7340301	Kế toán - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
77	N7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0 Ngữ văn ≥ 6.0	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT ≥ 8.5 ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
78	N7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0 Ngữ văn ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
79	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học	x	Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0 Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
80	N7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
81	N7850201	Bảo hộ lao động - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
82	N7440301	Khoa học môi trường - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
83	N7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
84	N7580302	Quản lý xây dựng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
85	N7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT ≥ 5.0	
86	N7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán ≥ 5.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán ≥ 5.0	
87	N7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
88	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
89	FA7340115	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
90	FA7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
91	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 6.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
92	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Sinh học ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
93	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
94	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
95	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
96	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
97	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
98	FA7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.0 (tương đương)	
99	D7340115	Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
100	D7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
101	D7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 6.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
102	D7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Sinh học ≥ 5.0	
103	D7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0	
104	D7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0	
105	D7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0	
106	D7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0	
		Kế toán (<i>Chuyên ngành: Kế toán</i>)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số)
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
107	D7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán ≥ 5.0	
108	D7340201	Tài chính ngân hàng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
109	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lý, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
		Quản trị nhà hàng - khách sạn	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
110	K7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
111	K7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxon (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
112	K7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxon (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
113	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
114	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
115	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
116	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
117	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
118	K7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
119	K7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
120	K7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
121	K7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
122	K7220201	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh)</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
123	K7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc)</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.5 và IELTS ≥ 5.5 (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	
124	P7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
125	P7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
126	P7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
			Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	x	Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
127	P7340301C		Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
128	P7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
129	P7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
130	P7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
131	P7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
132	P7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán ≥ 5.0	
133	P7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
		<i>Emayon (t.nập)</i>	Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
134	P7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
135	P7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	
136	P7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh ≥ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh ≥ 5.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh ≥ 5.0	